

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/DS - PT
Ngày 30 tháng 12 năm 2022
V/v Tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương
Ông Trần Trung Thành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang –
Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 79/2022/TLPT- DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp di sản thừa kế. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS – ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2724 /2022/QĐ – PT ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* + Bà Bùi Thị Ph, sinh năm 1949

Địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị Ph: Bà Bùi Thị X,
Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình;
có mặt

+ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1956

Địa chỉ: Khu phố B, Phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Bùi Thị H: Bà Bùi Thị Ph, sinh năm 1949
(văn bản uỷ quyền ngày 19/01/2022); bà Ph là nguyên đơn trong vụ án, có mặt.

+ Bà Bùi Thị V, sinh năm 1948

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Xuân L, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn C, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Trọng L (chết 2019).

1.1. Ông Bùi Xuân L, sinh năm 1957 (bị đơn trong vụ án).

Địa chỉ: Thôn C, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

1.2. Ông Bùi Xuân S, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn D, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

1.3. Ông Bùi Xuân H, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

1.4. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Xuân Th, sinh 1967 (chết 2021)

1.4.1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970

1.4.2. Chị Bùi Minh H, sinh năm 1998

1.4.3. Chị Bùi Minh T, sinh năm 2004

Cùng địa chỉ: Số nhà M, đường Hoàng Văn Th, tổ dân phố N, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; đều vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

1.5. Bà Bùi Thị Cẩm Nh, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

1.6. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

1.7. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

2. Ông Bùi Ngọc B, sinh năm 1943

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

3. Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Bùi Giữ Ng, sinh 1950 (chết 2008).

3.1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1957;

3.2. Anh Bùi Hoàng N, sinh năm 1985;

Đều trú tại địa chỉ: Tổ dân phố C, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; bà H có mặt, anh N vắng mặt.

4. Bà Lê Thị Thuý H, sinh năm 1961

Địa chỉ: Thôn C, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Bùi Thị Ph, bà Bà Bùi Thị H và bà Bùi Thị V là nguyên đơn trong vụ án; ông Bùi Xuân L bị đơn và ông Bùi Văn B, bà Lê Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án sơ thẩm số 47/2022/DS – ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Cụ ông Bùi Đ, chết năm 1996 và cụ bà Hoàng Thị G, chết năm 1957 là bố mẹ của ông Bùi Trọng L [ông L chết năm 2019 có vợ là bà Lê Thị Đ, chết 2006 và 07 người con gồm: Ông Bùi Xuân L, ông Bùi Xuân S, ông Bùi Xuân H, ông Bùi Xuân Th (ông Thắng chết năm 2021 có vợ là bà Nguyễn Thị H và các con là chị Bùi Minh H, chị Bùi Minh T), bà Bùi Thị Cẩm Nh, bà Bùi Thị L và bà Bùi Thị H]; ông Bùi Ngọc B, sinh năm 1943; bà Bùi Thị V, sinh năm 1948; bà Bùi Thị Ph, sinh năm 1949; ông Bùi Giữ Ng, chết năm 2008 (ông Ng có vợ là bà Lê Thị H và 02 con là anh Bùi Hoàng V, chết tháng 6/2022 chưa có vợ, con và anh Bùi Hoàng N) và bà Bùi Thị H, sinh năm 1956. Các đồng thừa kế của hai cụ thừa nhận hai cụ không có con riêng, không nuôi con nuôi, khi chết hai cụ không để lại di chúc. Di sản thừa kế của hai cụ để lại là quyền sử dụng tại 02 thửa đất gồm: Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 10 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 32) xã L, thành phố Đ, với diện tích 850.0m² đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 57 tờ bản đồ số 10 (nay là thửa đất số 96, tờ bản đồ số 32) xã L, thành phố Đ có diện tích 409.0m²; gắn liền với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10 có 01 ngôi nhà cấp 4 do các con đóng góp làm để cụ Đ ở rộng khoảng 80m² và 01 ngôi nhà đồ bằng do vợ chồng ông Bùi Giữ Ng làm khi sống chung với cụ Đ, có diện tích khoảng 70m² (hai ngôi nhà này hiện nay không còn). Năm 2001, các đồng thừa kế của hai cụ có hợp và thông nhất ký vào 01 tờ giấy viết tay với nội dung đồng ý cho vợ chồng ông Bùi Xuân L (ông L là cháu đức tôn) về ở trong ngôi nhà của hai cụ để vợ chồng ông L có nơi sinh hoạt và có trách nhiệm thờ cúng, hương khói cho ông bà (cho vợ chồng ông L ở chứ không đồng ý cho vợ chồng ông L được hưởng toàn bộ quyền thừa kế đối với 02 thửa đất này). Năm 2021, vợ chồng ông L làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) các nguyên đơn không đồng ý. Để đảm bảo quyền lợi của mình bà Bùi Thị V, bà Bùi Thị Ph và bà Bùi Thị H (viết tắt là nguyên đơn) yêu cầu Tòa

án chia toàn bộ di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Đ, cụ G tại thửa đất số 96 và thửa đất số 59 tờ bản đồ số 32 xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cho 06 đồng thừa kế và các nguyên đơn xin nhận thừa kế bằng hiện vật.

Ông Bùi Xuân L và bà Lê Thị Thuý H (viết tắt là bị đơn) thống nhất với trình bày của các nguyên đơn về tên, năm chết, số con và di sản thừa kế của cụ Bùi Đ, cụ Hoàng Thị G. Toàn bộ hai thửa đất của hai cụ đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Đ cấp GCNQSDĐ mang tên cụ Bùi Đ vào ngày 09/9/1991. Ngày 19/01/2000, các đồng thừa kế của hai cụ gồm: Ông Bùi Trọng L, ông Bùi Ngọc B, ông Bùi Giữ Ng, bà Bùi Thị Ph, bà Bùi Thị V và bà Bùi Thị H đã họp, lập Biên bản họp nhất chuyển quyền thừa kế của hai cụ cho vợ chồng bị đơn quản lý, sử dụng trước sự chứng kiến của đại diện họ Bùi là ông Bùi Ngọc Th và ông Bùi Thanh H; theo nội dung văn bản này vợ chồng bị đơn có trách nhiệm phục vụ việc thờ cúng ông bà tổ tiên trong các ngày kỵ giỗ và các dịp lễ tết. Riêng vườn cây bạch đàn ông Ngổn trồng trên đất của cụ Đ thì phải thu hoạch trong thời hạn 3 năm để trả lại đất cho vợ chồng bị đơn; Vợ chồng bị đơn có trách nhiệm đền bù phần tài sản do vợ, chồng ông Bùi Giữ Ng xây dựng trong quá trình ở với cụ Bùi Đ, mức đền bù là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng), khi nhận đủ số tiền trên thì có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ tài sản, đất đai, nhà cửa, sổ bìa đỏ của cụ Bùi Đ cho vợ chồng bị đơn. Sau cuộc họp ngày 19/01/2000 về việc chuyển giao di sản thừa kế của cụ Đ, vợ chồng bị đơn đã trả 13.000.000 đồng cho vợ chồng ông Ng và tiến hành xây dựng lại nhà cửa, phá dỡ toàn bộ hàng rào tre, cải tạo lại đất để trồng các loại cây cối, xây dựng hàng rào khép kín, thực hiện cúng giỗ ông bà, tổ tiên các đồng thừa kế của cụ Đ, cụ Giỏ và các cháu, chất không có ý kiến gì. Nay các nguyên đơn khởi kiện bị đơn không chấp nhận, đề nghị Toà án không chấp nhận việc khởi kiện của các nguyên đơn.

Bà Lê Thị H và anh Bùi Hoàng N trình bày: Hai người nhất trí như trình bày của nguyên đơn, bị đơn về tên, năm chết, số con và di sản của cụ Đ, cụ G để lại; bà H và anh N nhất trí trình bày của bị đơn về thời gian vợ chồng bà ở cùng cụ Đ, sau khi cụ Đ chết các đồng thừa kế của hai cụ đã họp và giao cho vợ chồng bị đơn ở nhưng bị đơn có trách nhiệm thờ cúng; theo cuộc họp của các đồng thừa kế năm 2000 thì bị đơn phải đền bù tài sản trên đất cho vợ chồng bà 13.000.000 đồng, năm 2000 vợ chồng bà đã nhận đủ số tiền này và đã chuyển đi sinh sống chỗ ở khác. Nay bà H và anh N nhất trí việc khởi kiện của các nguyên đơn, vì di sản thừa kế của cụ Đ, cụ G từ trước cho đến nay chưa chia và nếu chia di sản

thừa kế theo pháp luật thì anh N nhường kỹ phần của mình được hưởng cho bà H.

Ông Bùi Ngọc B trình bày: Ông nhất trí trình bày của nguyên đơn, bị đơn về tên, năm chết, số con và di sản thừa kế của cụ Đ, cụ G để lại. Khi cụ Đ đang còn sống thì vợ chồng ông Bùi Giữ Ng, bà Lê Thị H, sống chung với cụ Đ. Lúc cụ Đ qua đời, do điều kiện công tác nên ông Ng, bà H đã mua đất làm nhà ở tổ dân phố 05, phường B và sinh sống ở đó. Nhà đất của cụ Đ không ai trông giữ nên các đồng thừa kế đã bàn bạc và thống nhất, đồng ý để ông Ng, bà H chuyển nhượng lại toàn bộ di sản thừa kế bao gồm nhà, đất của bố cho vợ, chồng bị đơn là cháu đích tôn với giá trị chuyển nhượng theo thỏa thuận là 13.000.000 đồng; bị đơn đã thanh toán đủ số tiền trên cho ông Ng, bà H với sự nhất trí của các đồng thừa kế của cụ Đ và trước sự chứng kiến của tộc họ Bùi là ông Bùi Ngọc Th và ông Bùi Thanh H. Việc thỏa thuận chuyển nhượng trên được thành lập bằng văn bản và được các đồng thừa kế của cụ Đ, bị đơn và đại diện họ tộc ký xác nhận hoàn toàn tự nguyện của tất cả các bên. Như vậy, di sản thừa kế của cụ Đ đã được thống nhất định đoạt. Bị đơn xây dựng lại nhà cửa, phá bỏ hàng rào tre, tiếp tục tôn tạo, cơ sở mở rộng thêm diện tích đất, trồng cây và xây dựng hàng rào bao quanh; tất cả các con, cháu hàng năm đều về thắp hương, cúng giỗ cha, mẹ tổ tiên đều biết rõ nhưng không ai phản đối và tôn trọng những nội dung thỏa thuận trước đây đã ký kết xác nhận. Nay các nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của bố, mẹ ông không đồng ý, toàn bộ diện tích đất là di sản thừa kế vợ, chồng bị đơn quản lý, sử dụng đúng như thỏa thuận trước đây để làm nhà từ đường cho con cháu các thế hệ nối tiếp nhau thờ cúng. Trong trường hợp buộc phải chia di sản thừa kế theo pháp luật thì phần di sản của ông được hưởng giao cho vợ chồng bị đơn.

Ông Bùi Xuân Sơn, ông Bùi Xuân Hải, bà Nguyễn Thị Hà, chị Bùi Minh Hằng, chị Bùi Minh Tâm, bà Bùi Thị Cẩm Nhung, Bùi Thị Lành, Bùi Thị Hiền đều nhất trí trình bày của bị đơn và không chấp nhận việc khởi kiện của các nguyên đơn. Trong trường hợp buộc phải chia di sản thừa kế theo pháp luật thì phần di sản của người liên quan được hưởng giao cho bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS – ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định: Áp dụng khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 502, 503, 623, 649, 650, 651, 660, 688 của Bộ luật Dân sự; Điểm a khoản 4, 7 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Ph, bà Bùi Thị V và bà Bùi Thị H về việc “Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế”.

Xác định di sản của cụ Đ, cụ G tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 32 diện tích là 708.4m² và thửa đất số 96, tờ bản đồ địa chính số 32 xã L, thành phố Đ diện tích 409 m² đã được cấp UBND thị xã Đ (Nay là thành phố Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/9/1991, mang tên cụ Bùi Đ. Trong đó di sản thừa kế của cụ Bùi Đ tính bằng hiện vật là 458.7m² đất trồng cây hàng năm và 100m² đất ở, tính bằng giá trị 225.889.300 đồng để chia thừa kế; di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị G tính bằng hiện vật là 458.7m² đất trồng cây hàng năm và 100m² đất ở, tính bằng giá trị 225.889.300 đồng đã hết thời hiệu khởi kiện. Xác định ông Bùi Xuân L, bà Lê Thị Thuý H có công tôn tạo khai hoang diện tích 142.1m² đất trồng cây hàng năm (trong tổng số 551,1m² đất), tại thửa đất số 96, tờ bản đồ địa chính số 32 xã L, thành phố Đ.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất cụ Bùi Đ, gồm 06 người con: Ông Bùi Trọng L; ông Bùi Ngọc B; bà Bùi Thị Ph; bà Bùi Thị V; ông Bùi Giữ Ng và bà Bùi Thị H.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Trọng L, gồm 07 người con: Ông Bùi Xuân L; ông Bùi Xuân S; ông Bùi Xuân H; ông Bùi Xuân Th (ông Th chết 2021, có vợ là bà Nguyễn Thị H và 2 con là chị Bùi Minh H, chị Bùi Minh T); bà Bùi Thị Cẩm Nh; bà Bùi Thị L và bà Bùi Thị H.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Bùi Giữ Ng (ông Ng chết 2008, có vợ là bà Lê Thị H, anh Bùi Hoàng V chết tháng 6/2022 chưa có vợ con và anh Bùi Hoàng N.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Ngọc B, ông Bùi Xuân S, ông Bùi Xuân H, bà Nguyễn Thị H, chị Bùi Minh H, chị Bùi Minh T, bà Bùi Thị Cẩm Nh, bà Bùi Thị L và bà Bùi Thị H giao toàn bộ phần di sản của mình được hưởng cho ông Bùi Xuân L, bà Lê Thị Thuý H.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Bùi Hoàng N giao toàn bộ phần di sản của mình được hưởng cho bà Lê Thị H.

Giao cho bà Bùi Thị Ph, bà Bùi Thị V, bà Lê Thị H được quyền sử dụng diện tích 353.1m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 10 (nay thửa đất số 59, tờ bản đồ số 32) xã L, thành phố Đ diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 850m² (diện tích sử dụng thực tế là 708.4m²) đã được cấp UBND thị xã Đồng Hới (nay là thành phố Đồng Hới) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/9/1991, mang tên cụ Bùi Đ. Kích thước diện tích đất được chia như sau: Phía Bắc giáp đường giao thông dài 19,77 mét;

phía Nam giáp thửa đất số 60 dài 14.13 mét; phía Đông giáp đường giao thông dài 16.4 mét; phía Tây giáp phần đất hết thời hiệu giao cho ông L dài 24,83 mét và được quyền sở hữu các tài sản nằm trên phần đất được giao sử dụng gồm: Hàng rào xây bờ lô chưa tô trát dài 50.3 mét (trong đó: Phía Bắc dài 19,77 mét; phía Đông dài 16.4 mét; phía Nam dài 14.13 mét; Hai trụ cổng bê tông; 02 cánh cổng cửa sắt 6.25m²; Cây phật thủ 13 cây; Sâm hành 100 bụi; Sả 95 bụi; Bưởi 01 cây; Hoa giấy 05 cây; Măng cầu 13 cây; Thanh long 01 cây; Cam 01 cây; Xoài 06 cây; Chuối 95 bụi; Mít 08 cây; Ổi 08 cây; Đinh Lăng 42 bụi; Đu đủ 30 cây; Chanh 05 cây; Mít 03 cây; Sắn 75 bụi.

Giao cho ông Bùi Xuân L, bà Lê Thị Thuý H được quyền sử dụng diện tích 355.3m² đất trồng cây hàng năm khác, tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 10 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 32) xã L, thành phố Đ; diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 850m² (diện tích đất sử dụng thực tế là 708.4m²) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/9/1991. Diện tích đất được chia như sau: Phía Bắc giáp đường giao thông dài 14.0 mét; phía Nam giáp thửa đất số 60 dài 14.0 mét; phía Đông giáp phần đất giao cho bà Ph, bà V và bà H dài 24,83 mét; phía Tây giáp thửa đất số 245 và thửa 246 dài 26,13 mét

Giao cho ông Bùi Xuân L, bà Lê Thị Thuý H được quyền sử dụng thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10 (nay thửa đất số 96, tờ bản đồ địa chính số 32) xã L, thành phố Đ, diện tích sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 409m² (diện tích đất sử dụng thực tế là 551.1m²) đã được UBND thị xã Đồng Hới (Nay là thành phố Đồng Hới) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/9/1991 mang tên cụ Bùi Đạm. Diện tích đất được giao như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 94 dài 19.1 mét; phía Nam giáp đường Đào Duy A dài 22,16 mét; phía Đông giáp đường giao thông dài 25,1 mét; phía Tây giáp thửa đất số 310 dài 25.06 mét (Trong phần diện tích đất 551.1m², có 142.1m² đất trồng cây lâu năm khác, là công tôn tạo khai hoang của ông L, bà H chưa được hợp thức hoá vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông L, bà H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được hợp thức hoá vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật).

Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 32 xã L, thành phố Đ giao cho ông L, bà H, bà Ph, bà V, bà H sử dụng có một phần diện tích đất nằm trong quy hoạch làm đường. Hiện nay Cơ quan Nhà nước chưa thực hiện quy hoạch sau này thực hiện ông L, bà H, bà Ph, bà V, bà H phải thực hiện theo quy hoạch.

Buộc ông Bùi Xuân L, bà Lê Thị Thuý H phải trả một kỷ phần được hưởng cho bà Bùi Thị H với số tiền 37.648.216 đồng; cho bà Bùi Thị Ph, bà Bùi Thị V, bà Lê Thị H với số tiền là 42.024.304 đồng.

Tuyên bố “Văn bản hợp chuyển quyền thừa kế” đề ngày 19/01/2000 và “Văn bản hợp chuyển quyền thừa kế” đề ngày 14/11/2001 vô hiệu, hậu quả của vô hiệu không có nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên chịu chi phí tố tụng, án phí vụ kiện và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhận được đơn kháng cáo của các nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị V, bà Bùi Thị Ph, bà Bùi Thị H và bà Lê Thị H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm chia toàn bộ thửa đất số 96, tờ bản đồ số 32 xã L, có diện tích 551,1m² cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật; bị đơn Bùi Xuân L kháng cáo không chấp nhận việc khởi kiện của các nguyên đơn, yêu cầu công nhận Biên bản hợp chuyển quyền thừa kế ngày 19/01/2000; ông Bùi Ngọc B yêu cầu chia di sản thừa kế và xin nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng hiện vật, không nhường kỷ phần thừa kế của mình cho ông L, ngày 16/10/2022 ông B kháng cáo bổ sung không chấp nhận việc khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án có kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo của mình (ông B không chấp nhận khởi kiện của các nguyên đơn). Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Thị H; Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Bùi Xuân L; sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận khởi kiện của các nguyên đơn, **do** các nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm

Sau khi xem xét nội dung kháng cáo, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn, bị đơn.

Commented [p1]: Nguyên đơn và

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 26 tháng 9 năm 2022 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xét xử và ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS – ST. Trong các ngày 06, 07 và 10 tháng 10 năm 2022 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông Bùi Xuân L; các nguyên đơn bà Bùi Thị Ph, bà Bùi Thị V và bà Bùi Thị H; người có quyền lợi liên quan vụ án ông Bùi Ngọc B và bà Lê Thị H. Đơn kháng cáo của các nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan vụ án làm trong hạn luật định, thuộc diện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

[2] Trong vụ án này các nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế, không yêu cầu Tòa án huỷ “Văn bản hợp chuyển quyền thừa kế” lập ngày 19/01/2000 và “Văn bản hợp chuyển quyền thừa kế” lập ngày 14/11/2001, nhưng Quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên bố hai văn bản trên vô hiệu là vượt quá thẩm quyền xét xử, trái quy định. Mặt khác, Bản án chia di sản thừa kế bằng hiện vật (quyền sử dụng đất) và 01 kỷ phần thừa kế bằng tiền cho bà Ph, bà V, bà H nhưng không chia cụ thể từng phần cho từng cá nhân mà chia chung cả 03 người là không đúng, không thi hành án dân sự được, nên cần rút kinh nghiệm.

[3] Cụ ông Bùi Đ, chết năm 1996 và cụ bà Hoàng Thị G, chết năm 1957 là bố mẹ của ông Bùi Trọng L [ông L chết năm 2019 có vợ là bà Lê Thị Đ, chết 2006 và 07 người con gồm: Ông Bùi Xuân L, ông Bùi Xuân S, ông Bùi Xuân H, ông Bùi Xuân Th (ông Thắng chết năm 2021 có vợ là bà Nguyễn Thị H và 02 con là chị Bùi Minh H, chị Bùi Minh T), bà Bùi Thị Cẩm Nh, bà Bùi Thị L và bà Bùi Thị H], ông Bùi Ngọc B, bà Bùi Thị V, bà Bùi Thị Ph, ông Bùi Giữ Ng, (ông Ng chết năm 2008 có vợ là bà Lê Thị H và 02 con là anh Bùi Hoàng V, chết tháng 6/2022 chưa có vợ, con và anh Bùi Hoàng N) và bà Bùi Thị H. Hai cụ không có con riêng, không nuôi con nuôi, khi chết hai cụ không để lại di chúc.

[4] Các đồng thừa kế thừa nhận, di sản thừa kế của hai cụ để lại là quyền quản lý, sử dụng tại 02 thửa đất gồm: Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 10 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 32) xã L, thành phố Đ, với diện tích 850.0m² đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 57 tờ bản đồ số 10 (nay là thửa đất số 96, tờ bản đồ số 32) xã L, thành phố Đ, có diện tích 409.0m² là đất ở và đất trồng cây lâu năm khác; gắn liền với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 10 xã L có 01 ngôi nhà cấp 4 do các con làm để cụ Đ ở, rộng khoảng 80m² và 01 ngôi nhà đổ bằng do vợ chồng ông Bùi Giữ Ng xây dựng có diện tích khoảng 70m² (hai ngôi nhà này hiện nay không còn).

[5] Về di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thấy: Cụ bà Hoàng Thị G chết năm 1957 không để lại di chúc, theo quy định tại Điều 1 Luật đất đai năm 1987 thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, Nhà nước thống nhất quản lý; tại Điều 4 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 quy định “ Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung với người khác... Tài sản có tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, các thu nhập hợp pháp khác”. Như vậy, theo Luật đất đai năm 1987 và Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì đất đai không phải di sản thừa kế. Tại điểm a mục 1 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về pháp lệnh thừa kế có nêu “ Đất đai thuộc quyền sở hữu toàn dân, quyền sử dụng đất được giao không phải là quyền sở hữu về tài sản của công dân nên không thể trở thành di sản của công dân chết”.

[6] Mặt khác, tại phiên toà phúc thẩm các đồng thừa kế của cụ Đ thừa nhận năm 1991 diện tích đất của cụ Đ, cụ G được UBND thị xã (nay là thành phố) Đồng Hới cấp GCNQSDĐ lần đầu mang tên cụ Bùi Đ, các đồng thừa kế của cụ G đều thống nhất giao toàn bộ diện tích cho cụ Đ quản lý, sử dụng không có người nào khiếu nại, tranh chấp về quyền quản lý, sử dụng đất của cụ G nên toàn bộ diện tích đất được cấp trong giấy GCNQSDĐ năm 1991 thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ Bùi Đ.

[7] Việc các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Bùi Đ thấy: Cụ Bùi Đ chết năm 1996, di sản thừa kế của cụ Đ là quyền quản lý, sử dụng đất như phân tích tại các mục [2], [3] và [4] đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Đồng Hới cấp GCNQSDĐ lần đầu số A 866357 ngày 09/9/1991 tại hai thửa đất số 42 và 57, tờ bản đồ số 10 (nay là thửa đất số 59 và 96, tờ bản đồ số 32) xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (bút lục số 133).

[8] Ngày 19 tháng 01 năm 2000 các đồng thừa kế của cụ Bùi Đ, gồm: Ông Bùi Trọng L, ông Bùi Ngọc B, ông Bùi Giữ Ng, bà Bùi Thị Ph, bà Bùi Thị V và bà Bùi Thị H đã họp thống nhất chuyển giao quyền thừa kế là quyền quản lý, sử dụng toàn bộ đất và tài sản trên đất của cụ Bùi Đ cho bị đơn; cuộc họp có sự tham gia của ông Bùi Xuân L, ông Bùi Ngọc Th và ông Bùi Thanh H. Biên bản cuộc họp này có ghi rõ nội dung “1. Chuyển giao quyền thừa kế toàn bộ tài sản, nhà ở, đất đai, sổ bìa đỏ của ông Bùi Đ (ông Bùi Đ mất ngày 11/11/1996 tức ngày 01/10 năm Bính Tý), cho vợ chồng cháu đức tôn là Bùi Xuân L và Lê Thị H. Để có trách nhiệm phục vụ việc thờ cúng ông bà tổ tiên trong các ngày kỵ, giỗ và các dịp tết. Riêng vườn cây bạch đàn để chú Ng thu hoạch 01 lứa trong khoảng từ nay đến 3 năm, chú Ng nộp trả lại đất vườn cho vợ chồng cháu L, H

2. Vợ chồng cháu Bùi Xuân L và Lê Thị H có trách nhiệm đền bù phần tài sản do vợ chồng ông Bùi Giữ Ng xây dựng ntrong quá trình ở với ông Bùi Đ. Mức đền bù là 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng chẵn).

3. Khi ông Ng nhận đủ tiền thì có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ tài sản, đất đai, nhà cửa, sổ bìa đỏ của ông Bùi Đ cho vợ chồng cháu L, H.

Cuộc họp kết thúc lúc 16 giờ cùng ngày. Mọi người dự họp đã đọc lại biên bản đều nhất trí các vấn đề nêu trên, không ai có ý kiến gì khác và cùng ký tên dưới đây”. Các thành viên tham gia họp đều ký tên trong đó có 03 nguyên đơn trong vụ án này. Cùng ngày 19/01/2000 ông Bùi Giữ Ng đã nhận đủ số tiền 13.000.000 đồng (bút lục số 139).

[9] Ngày 14 tháng 11 năm 2001 các đồng thừa kế của cụ Bùi Đ, gồm: Ông Bùi Trọng L, ông Bùi Ngọc B, ông Bùi Giữ Ng, bà Bùi Thị Ph, bà Bùi Thị V và bà Bùi Thị H tiếp tục họp chuyển giao quyền thừa kế có sự tham gia của ông Bùi Xuân L, ông Bùi Ngọc Th và ông Bùi Thanh H. Tại Biên bản cuộc họp này có ghi rõ nội dung ““Chuyển giao quyền thừa kế toàn bộ tài sản, nhà ở, đất đai, sổ bìa đỏ của ông Bùi Đ (ông Bùi Đ mất ngày 11/11/1996 tức ngày 01/10 năm Bính Tý), cho vợ chồng cháu đưc tôn là Bùi Xuân L và Lê Thị H. Để có trách nhiệm phục vụ việc thờ cúng ông bà tổ tiên trong các ngày kỵ, giỗ và các dịp tết.

Cuộc họp kết thúc lúc 16 giờ cùng ngày. Mọi người dự họp đã đọc lại biên bản đều nhất trí các vấn đề nêu trên, không ai có ý kiến gì khác và cùng ký tên dưới đây”. Các thành viên tham gia họp đều ký tên trong đó có 03 nguyên đơn trong vụ án này (bút lục số 138).

[8] Quá trình thu thập chứng cứ các nguyên đơn không thừa nhận việc đã ký vào biên bản họp gia đình ngày 19/01/2000 và ngày 14/11/2001 về việc giao toàn bộ di sản của cụ Đ như nêu ở mục [6] và [7]. Tại Kết luận giám định số 697/KL – KLHS ngày 27/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình đã kết luận: Chữ ký và chữ viết ghi rõ họ tên “Bùi Trọng L”, “Bùi Ngọc B”, “Bùi Giữ Ng”, “Bùi Thị Ph”, “Bùi Thị V”, “Bùi Thị H”, “Bùi Xuân L”, “Bùi Thanh H”, “Bùi Ngọc Th” ở phần cuối trang 1 của mẫu giám định ký hiệu A1 và A2 là ký, viết trực tiếp. Chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên “Bùi Thị Ph” trên các mẫu giám định A1, A2 so với chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên “Bùi Thị Ph” trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký, viết ra. Chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên “Bùi Thị V” trên các mẫu giám định A1 so với chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên “Bùi Thị V” trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M4 là do cùng một người viết ra; không đủ cơ sở kết luận chữ ký ghi tên Bùi Thị V trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký ghi tên Bùi Thị V trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M4 do thiếu mẫu so sánh. Chữ ký, chữ

viết ghi rõ họ tên “Bùi Thị H” trên các mẫu giám định A1, A2 so với chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên “Bùi Thị H” trên các mẫu so sánh ký hiệu M5 là do cùng một người ký, viết ra (bút lục số 167). Tại phiên toà phúc thẩm các nguyên đơn đều thừa nhận đúng chữ ký, chữ viết của mình trên văn hợp gia đình ngày 19/01/2000 và ngày 14/11/2001 nhưng theo các nguyên đơn thì văn bản này cho bị đơn ở và thờ cúng ông bà, các nguyên đơn không chuyển giao di sản thừa kế của cụ Đ cho bị đơn.

[9] Như phân tích tại mục [6], [7] và [8] thì các đồng thừa kế của cụ Đ, trong đó có 03 nguyên đơn trong vụ án đã tự nguyện ký vào văn bản ngày 19/01/2000 và ngày 14/11/2001 về việc chuyển giao quyền thừa kế toàn bộ tài sản, nhà ở, đất đai, sổ bia đồ của cụ Bùi Đ cho vợ chồng bị đơn. Đây là giao dịch dân sự tự nguyện giữa các bên đảm bảo đúng quy định tại các Điều 130, 131, 132 và Điều 133 của Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 121, Điều 122, Điều 123 và Điều 124 của Bộ luật dân sự năm 2005 nay là các Điều 116, 117, 118 và 119 của Bộ luật dân sự năm 2015. Theo quy định tại Điều 145 của Bộ luật dân sự năm 1995 thì thời hiệu để xác định giao dịch dân sự vô hiệu là 01 năm nên thời hiệu yêu cầu khởi kiện giao dịch dân sự này không còn.

[10] Việc Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 95, khoản 3 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013 và Điều 503 Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định văn bản chuyển quyền thừa kế lập ngày 19/01/2000 và ngày 14/11/2001 của các nguyên đơn cho bị đơn không đúng và tuyên vô hiệu là không đúng quy định cần rút kinh nghiệm. Trong vụ việc này các đồng thừa kế của cụ Đ tự nguyện nhường phần di sản thừa kế của được hưởng cho bị đơn, nên đây là hợp đồng dân sự tôn trọng sự tự nguyện định đoạt của các bên; tại phiên toà phúc thẩm các nguyên đơn đều thừa nhận hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc ký vào hai biên bản hợp gia đình ngày 19/01/2000 và ngày 14/11/2001, do đó di sản thừa kế của cụ Đ đã được các đồng thừa kế định đoạt chuyển cho bị đơn quản lý, sử dụng tại hai biên bản hợp gia đình này.

[11] Từ các phân tích trên thấy kháng cáo của các nguyên đơn và người có quyền lợi liên quan Lê Thị H là không có căn cứ để chấp nhận; kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi liên quan Bùi Ngọc B có căn cứ nên chấp nhận để sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận việc khởi kiện của các nguyên đơn.

[12] Về chi phí tố tụng: Tại cấp sơ thẩm chi phí hết 8250.000 đồng, do các nguyên đơn khởi kiện không được chấp nhận nên các nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí này (các nguyên đơn đã nộp đủ).

[14] Về án phí: Các nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan vụ án là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 272, Điều 273, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 130, Điều 131, Điều 132, Điều 133 và Điều 145 của Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 121, Điều 122, Điều 123 và Điều 124 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 116, 117, 118 và 119 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của các nguyên đơn bà Bùi Thị Ph, bà Bùi Thị V, bà Bùi Thị H và người có quyền lợi liên quan bà Lê Thị H. Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Bùi Xuân L và người có quyền lợi liên quan Bùi Ngọc B đối với Bản án số 47/2022/DS – ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình để sửa bản án sơ thẩm.

2. Không chấp nhận việc khởi kiện của các nguyên đơn bà Bùi Thị Ph, bà Bùi Thị V và bà Bùi Thị H về việc chia di sản thừa kế tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 10 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 32) và thửa đất số 57 tờ bản đồ số 10 (nay là thửa đất số 96, tờ bản đồ số 32) xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

3. Ông Bùi Xuân L, bà Lê Thị Thuý H là người quản lý, sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 10 (nay là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 32) và thửa đất số 57 tờ bản đồ số 10 (nay là thửa đất số 96, tờ bản đồ số 32) xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

4. Ông Bùi Xuân L, bà Lê Thị Thuý H có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký quyền quản lý, sử dụng đất theo quy định.

5. Bà Thị Ph, bà Bùi Thị V và bà Bùi Thị H phải chịu 8.250.000 đồng chi phí tố tụng (đã nộp đủ).

6. Các đương sự được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 30/12/2022.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đồng Hới;
- CCTHADS TP Đồng Hới;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- .

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa

